



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Phạm Văn Tân Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Lê Quốc Ân Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh Ông Nguyễn Thanh Sơn Ông Nguyễn Ngọc Cách	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải Bà Hoàng Thùy Oanh Bà Trần Tường Anh Ông Nguyễn Ngọc Bình Bà Trần Thị Hòa Châu Ông Phạm Ngọc Trung Ông Phan Văn Phước Ông Phan Quang Long Ông Nguyễn Phước Hoàng Ông Nguyễn Văn Cường Bà Nguyễn Thị Tường Long	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Kế toán trưởng
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ** **Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

  
Thay mặt Ban điều hành  
  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2021

1  
C  
H  
K  
/



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00159-21-2

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

**12-08-2021**



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.203.460.928.915</b>	<b>963.187.373.809</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>55.977.851.836</b>	<b>44.218.004.444</b>
Tiền	111		16.377.851.836	15.009.004.444
Các khoản tương đương tiền	112		39.600.000.000	29.209.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>78.037.800.000</b>	<b>24.357.800.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	78.037.800.000	24.357.800.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>390.740.111.781</b>	<b>343.222.650.824</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	357.392.908.785	327.938.419.824
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.290.670.232	15.160.599.151
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		426.400.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	13.465.323.960	5.974.469.386
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(6.835.191.196)	(6.477.312.214)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>644.002.700.809</b>	<b>514.036.868.557</b>
Hàng tồn kho	141		645.346.773.662	519.167.562.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.344.072.853)	(5.130.693.577)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.702.464.489</b>	<b>37.352.049.984</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	9.472.117.436	8.649.177.117
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.223.025.964	28.694.650.370
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	7.321.089	8.222.497

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>756.937.135.127</b>	<b>788.049.995.316</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>973.096.000</b>	<b>1.165.096.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		588.200.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		384.896.000	454.896.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>708.321.703.815</b>	<b>737.825.704.383</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	706.107.016.741	736.529.984.178
<i>Nguyên giá</i>	222		1.823.359.541.082	1.796.593.958.831
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.117.252.524.341)	(1.060.063.974.653)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.214.687.074	1.295.720.205
<i>Nguyên giá</i>	228		12.516.120.452	11.224.929.405
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.301.433.378)	(9.929.209.200)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.934.290.608</b>	<b>4.180.723.801</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.934.290.608	4.180.723.801
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>15.320.554.224</b>	<b>14.873.729.511</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	14.057.120.447	13.610.295.734
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(6.492.268.223)	(6.492.268.223)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.387.490.480</b>	<b>30.004.741.621</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	30.387.490.480	29.934.698.270
Lợi thế thương mại	269	19	-	70.043.351
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.960.398.064.042</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.472.034.057.343</b>	<b>1.273.247.562.149</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.147.026.067.555</b>	<b>946.954.491.262</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	265.523.419.922	216.717.707.406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.380.491.788	34.759.801.430
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	23.058.450.256	11.277.924.437
Phải trả người lao động	314		231.864.385.488	243.297.137.352
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	4.052.539.204	4.356.215.044
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		580.474.844	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	45.153.660.468	20.644.188.608
Vay ngắn hạn	320	24(a)	492.006.680.673	342.246.816.537
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		40.000.000	40.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	70.365.964.912	72.523.791.358
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>325.007.989.788</b>	<b>326.293.070.887</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	24(b)	314.267.229.836	315.552.310.935
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>488.364.006.699</b>	<b>477.989.806.976</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>488.364.006.699</b>	<b>477.989.806.976</b>
Vốn cổ phần	411	27	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.176.340.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	140.963.518.580	131.581.249.354
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		87.575.301.400	93.703.298.049
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		46.452.467.056	32.966.962.290
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		41.122.834.344	60.736.335.759
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33.648.846.719	27.705.259.573
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.960.398.064.042</b>	<b>1.751.237.369.125</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>31</b>	<b>1.549.737.625.126</b>	<b>1.581.560.442.115</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>333.695.004</b>	<b>747.523.899</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.549.403.930.122</b>	<b>1.580.812.918.216</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>1.395.427.989.501</b>	<b>1.455.393.570.297</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>153.975.940.621</b>	<b>125.419.347.919</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	11.219.440.049	13.428.283.436
Chi phí tài chính	22	33	11.551.666.467	20.242.973.347
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.588.108.270	12.520.812.989
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.732.424.713	1.988.778.098
Chi phí bán hàng	25	34	45.515.729.259	35.001.275.299
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	58.710.317.070	55.099.210.076
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>51.150.092.587</b>	<b>30.492.950.731</b>
Thu nhập khác	31	36	1.016.027.493	2.072.723.768
Chi phí khác	32	37	811.591.606	841.751.597
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>204.435.887</b>	<b>1.230.972.171</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>51.354.528.474</b>	<b>31.723.922.902</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>39</b>	<b>4.087.042.356</b>	<b>3.227.055.049</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>47.267.486.118</b>	<b>28.496.867.853</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b> <b>(trạng trước mang sang)</b>	<b>60</b>		<b>47.267.486.118</b>	<b>28.496.867.853</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		41.122.834.344	27.619.234.587
Cổ đông không kiểm soát	62		6.144.651.774	877.633.266
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	1.828	1.228

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>51.354.528.474</b>	<b>31.723.922.902</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		65.228.731.731	75.643.278.184
Các khoản dự phòng	03		(3.022.616.989)	10.466.035.476
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		977.103.222	950.285.727
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.670.208.285)	(3.667.953.354)
Chi phí lãi vay	06		8.588.108.270	12.520.812.989
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>119.455.646.423</b>	<b>127.636.381.924</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(44.636.179.340)	10.414.506.869
Biến động hàng tồn kho	10		(126.179.211.528)	(2.834.074.160)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		25.013.397.929	(15.360.863.169)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.319.537.755)	1.482.583.480
			<b>(27.665.884.271)</b>	<b>121.338.534.944</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.751.301.838)	(12.764.462.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.800.450.665)	(1.604.344.551)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		206.719.141	215.821.774
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.377.621.982)	(6.850.513.575)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(44.388.539.615)</b>	<b>100.335.036.146</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(28.747.365.333)	(77.229.699.707)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		317.272.728	712.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(61.310.000.000)	(8.755.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.916.800.000	114.600.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.620.510.844	966.902.529
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(80.202.781.761)</b>	<b>(84.190.924.451)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.355.602.301.783	1.233.723.902.107
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.207.462.128.015)	(1.261.790.235.063)
Tiền trả cổ tức	36		(11.789.005.000)	(35.212.447)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>136.351.168.768</b>	<b>(28.101.545.403)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>11.759.847.392</b>	<b>(11.957.433.708)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>44.218.004.444</b>	<b>30.303.763.991</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>55.977.851.836</b>	<b>18.346.330.283</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên

Người duyệt:



**Nguyễn Thị Tường Long**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Hải**  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2021	1/1/2021	30/6/2021	1/1/2021
	<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
	<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 9.468 nhân viên (1/1/2021: 9.768 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty hoặc các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoại trừ vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Vương quốc Anh
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	377.465.678	213.418.179	214.580.597	110.153.585	217.376.653	151.839.827	-	264.903.106	1.549.737.625
Kết quả kinh doanh của bộ phận	22.576.671	25.836.073	14.635.759	24.218.847	14.187.529	8.521.611	-	43.999.451	153.975.941
Thu nhập không phân bổ									12.951.865
Chi phí không phân bổ									115.777.713
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									51.150.093
Thu nhập khác									1.016.027
Chi phí khác									811.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp									4.087.042
Lợi nhuận thuần sau thuế									47.267.486



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Trung Quốc</b> Nghìn VND	<b>Hoa Kỳ</b> Nghìn VND	<b>Nhật Bản</b> Nghìn VND	<b>Châu Phi</b> Nghìn VND	<b>Việt Nam</b> Nghìn VND	<b>Thụy Điển</b> Nghìn VND	<b>Vương quốc</b> <b>Anh</b> Nghìn VND	<b>Các vùng</b> <b>địa lý khác</b> Nghìn VND	<b>Hợp nhất</b> Nghìn VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>									
Tài sản của bộ phận	92.681.740	121.589.773	32.374.882	30.750.256	13.990.014	21.112.631	-	44.893.613	357.392.909
Tài sản không phân bổ									1.603.005.155
Tổng tài sản									<u>1.960.398.064</u>
Nợ phải trả của bộ phận	12.682.565	142.995	-	-	11.119.903	-	-	1.175.789	25.121.252
Các khoản nợ không phân bổ									1.446.912.805
Tổng nợ phải trả									<u>1.472.034.057</u>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>									
Chi tiêu vốn									28.747.365
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									64.742.659
Khấu hao tài sản cố định vô hình									372.224

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Trung Quốc</b> Nghìn VND	<b>Hoa Kỳ</b> Nghìn VND	<b>Nhật Bản</b> Nghìn VND	<b>Châu Phi</b> Nghìn VND	<b>Việt Nam</b> Nghìn VND	<b>Thụy Điển</b> Nghìn VND	<b>Vương quốc Anh</b> Nghìn VND	<b>Các vùng địa lý khác</b> Nghìn VND	<b>Hợp nhất</b> Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>									
Tổng doanh thu của bộ phận	340.045.651	238.552.766	255.106.270	157.986.919	131.020.591	176.707.937	9.854.846	272.285.462	1.581.560.442
Kết quả kinh doanh của bộ phận	22.030.047	31.544.434	18.472.916	11.282.216	5.666.895	10.402.700	432.940	25.587.200	125.419.348
<hr/>									
Thu nhập không phân bổ									15.417.062
Chi phí không phân bổ									110.343.459
<hr/>									
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									30.492.951
<hr/>									
Thu nhập khác									2.072.724
Chi phí khác									841.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp									3.227.055
<hr/>									
Lợi nhuận thuần sau thuế									28.496.868
<hr/>									

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>									
Tài sản của bộ phận	93.403.000	103.797.000	27.357.000	29.758.000	22.659.420	1.628.629	-	49.335.371	327.938.420
Tài sản không phân bổ									1.423.298.949
Tổng tài sản									<u>1.751.237.369</u>
Nợ phải trả của bộ phận	34.521.000	143.000	-	-	9.327.561	-	-	1.509.000	45.500.561
Các khoản nợ không phân bổ									1.227.747.001
Tổng nợ phải trả									<u>1.273.247.562</u>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>									
Chi tiêu vốn									77.229.700
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									74.885.546
Khấu hao tài sản cố định vô hình									643.884



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	526.460.667	135.106.746
Tiền gửi ngân hàng	15.851.391.169	14.873.897.698
Các khoản tương đương tiền	39.600.000.000	29.209.000.000
	<hr/>	<hr/>
	55.977.851.836	44.218.004.444
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,3% đến 3,8% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2021: từ 3,5% đến 4,0%).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	78.037.800.000	78.037.800.000	24.357.800.000	24.357.800.000
	<hr/>			

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 3,7% đến 6,9% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	30/6/2021				Dự phòng VND	1/1/2021				Dự phòng VND
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	
Đầu tư góp vốn vào:											
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	14.057.120.447	-	642.800	32,14%	32,14%	13.610.295.734	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	-	-	400.000	20,00%	20,00%	-	-
					<u>14.057.120.447</u>	<u>-</u>				<u>13.610.295.734</u>	<u>-</u>
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>
					<u>21.812.822.447</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>21.365.997.734</u>	<u>(6.492.268.223)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Haggar Clothing Co.	66.813.084.629	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	62.930.824.210	78.078.624.227
Supreme International LLC	34.453.812.775	44.510.862.972
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	29.620.971.420	23.171.574.742
Kuraray Trading Co., Ltd.	23.445.483.594	13.948.063.314
Hultafors Group AB	21.112.630.743	1.628.629.320
Destination XL Group Inc	17.675.621.522	13.065.753.409
GDTEX Hongkong Limited	11.996.582.078	7.962.071.109
Haggar Canada Co.	-	24.148.352.799
Các khách hàng khác	89.343.897.814	79.741.049.087
	<b>357.392.908.785</b>	<b>327.938.419.824</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 25.857 triệu VND (1/1/2021: 23.195 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 24(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	50.916.860	85.771.834
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Quảng Nam	93.961.324	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	-	104.079.250
	<b>144.878.184</b>	<b>189.851.084</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bông cho mượn	6.113.385.701	277.130.995
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.821.927.800	2.971.547.668
Tạm ứng	1.801.238.472	616.621.254
Phải thu khác	2.728.771.987	2.109.169.469
	<hr/>	<hr/>
	13.465.323.960	5.974.469.386
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2021			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.064.485.235)	1.816.062.215	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	
		<u>8.651.253.411</u>	<u>(6.835.191.196)</u>	<u>1.816.062.215</u>		<u>7.178.435.714</u>	<u>(6.477.312.214)</u>	<u>701.123.500</u>	

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.835.191.196)

(6.477.312.214)

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	90.886.439.619	-	65.810.376.595	-
Nguyên vật liệu	169.077.835.521	-	123.585.974.784	-
Công cụ và dụng cụ	1.769.127.690	-	2.273.738.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	175.304.720.356	-	183.730.754.945	-
Thành phẩm	186.999.114.953	(1.051.282.230)	101.575.566.512	(4.698.180.889)
Hàng hóa	3.681.984.587	(260.262.823)	5.773.108.494	(260.262.823)
Hàng gửi đi bán	17.627.550.936	(32.527.800)	36.418.041.857	(172.249.865)
	<b>645.346.773.662</b>	<b>(1.344.072.853)</b>	<b>519.167.562.134</b>	<b>(5.130.693.577)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 19.053 triệu VND (1/1/2021: 22.308 triệu VND) hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 582.604 triệu VND (1/1/2021: 399.024 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 24(a)).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	423.425.543.846	1.209.646.674.997	62.516.673.209	8.359.536.921	92.645.529.858	1.796.593.958.831
Tăng trong kỳ	31.818.182	8.715.684.920	1.165.287.982	126.462.291	441.000.000	10.480.253.375
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	1.112.157.945 (562.394.199)	15.522.458.644 (4.882.237.731)	5.497.624.471 (1.788.698.321)	48.556.200 (206.843.065)	1.658.640.904 (113.935.972)	23.839.438.164 (7.554.109.288)
Số dư cuối kỳ	424.007.125.774	1.229.002.580.830	67.390.887.341	8.327.712.347	94.631.234.790	1.823.359.541.082
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	156.424.623.337	789.686.142.738	34.797.622.157	6.917.342.231	72.238.244.190	1.060.063.974.653
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	10.055.395.211 (562.394.199)	46.924.846.764 (4.882.237.731)	3.096.831.271 (1.788.698.321)	394.212.188 (206.843.065)	4.271.373.542 (113.935.972)	64.742.658.976 (7.554.109.288)
Số dư cuối kỳ	165.917.624.349	831.728.751.771	36.105.755.107	7.104.711.354	76.395.681.760	1.117.252.524.341
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178
Số dư cuối kỳ	258.089.501.425	397.273.829.059	31.285.132.234	1.223.000.993	18.235.553.030	706.107.016.741

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 595.538 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 584.055 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 405.321 triệu VND (1/1/2021: 481.319 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 24(a)) và dài hạn (Thuyết minh 24(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

**16. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	11.224.929.405
Tăng trong kỳ	913.879.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	377.311.147
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	12.516.120.452
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	9.929.209.200
Khấu hao trong kỳ	372.224.178
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.301.433.378
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	1.295.720.205
Số dư cuối kỳ	2.214.687.074
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.781 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 7.674 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.180.723.801	35.047.117.854
Tăng trong kỳ	21.970.316.118	61.523.806.666
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.839.438.164)	(51.856.160.225)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.934.290.608	44.714.764.295
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
Nhà máy May Triệu Phong	1.318.339.527	2.363.605.351	1.318.339.527	2.363.605.351
Máy móc thiết bị sợi	572.500.000	575.750.000	572.500.000	575.750.000
Các công trình khác	43.451.081	1.241.368.450	43.451.081	1.241.368.450
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.934.290.608	4.180.723.801	1.934.290.608	4.180.723.801
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	2.214.594.283	1.779.206.472
Công cụ và dụng cụ	2.969.322.851	3.441.985.406
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.507.989.110	742.175.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.780.211.192	2.685.810.073
	<hr/>	<hr/>
	9.472.117.436	8.649.177.117

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.015.479.276	13.694.123.512	12.225.095.482	29.934.698.270
Tăng trong kỳ	-	3.306.630.731	4.542.017.137	7.848.647.868
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(4.974.631.527)	(2.377.418.905)	(7.395.855.658)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.971.674.050	12.026.122.716	14.389.693.714	30.387.490.480



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.400.866.953
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.330.823.602
Phân bổ trong kỳ	70.043.351
Số dư cuối kỳ	1.400.866.953
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	70.043.351
Số dư cuối kỳ	-

**20. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Hultafors Group AB	35.770.275.620	12.009.223.239
Devcot S.A	27.428.800.221	7.459.357.394
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.303.930.333	16.754.023.232
Công ty TNHH Phần Thịnh - Tae Gwang	16.904.668.285	1.706.790.907
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	14.431.448.974	8.354.163.269
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	11.447.214.168	12.453.389.509
Cotton Service International GmbH	9.332.392.393	-
Motives International (Hong Kong) Limited	5.851.825.286	7.140.332.328
Công ty TNHH Coats Phong Phú	5.188.600.845	3.720.306.544
Fujian Jingwei New Fiber Science and Technology Co., Ltd	5.043.637.248	4.088.507.674
Louis Dreyfus Company Suisse SA	4.538.182.953	-
Multi-Fiber Handels GmbH	4.567.252.275	11.708.726.478
Viterra B.V	-	18.528.983.079
Các nhà cung cấp khác	107.715.191.321	112.793.903.753
	265.523.419.922	216.717.707.406

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.303.930.333	16.754.023.232
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	11.447.214.168	12.453.389.509
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Phú Ninh	1.819.944.500	-
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	5.188.600.845	3.720.306.544
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	27.573.100	36.776.600
	<hr/>	<hr/>
	35.787.262.946	32.964.495.885

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2021</b>	<b>Số phải thu</b>	<b>Số bù trừ</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	-	2.577.547	-	2.577.547
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.534.442	-	2.534.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.501	2.209.100	(5.233.501)	2.209.100
Thuế thu nhập cá nhân	2.988.996	-	(2.988.996)	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.222.497	7.321.089	(8.222.497)	7.321.089



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.304.895.932	59.874.625.980	(51.746.159.356)	16.433.362.556
Thuế nhập khẩu	153.955.742	985.966.736	(1.036.360.500)	103.561.978
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.718.939.347	4.081.808.855	(2.798.241.565)	4.002.506.637
Thuế thu nhập cá nhân	99.739.416	2.515.287.512	(2.516.194.833)	98.832.095
Tiền thuê đất	-	2.419.502.590	-	2.419.502.590
Các loại thuế khác	394.000	996.020.216	(995.729.816)	684.400
	<b>11.277.924.437</b>	<b>70.873.211.889</b>	<b>(59.092.686.070)</b>	<b>23.058.450.256</b>

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hoạt động	2.426.227.889	2.187.848.437
Chi phí lãi vay	170.519.151	333.712.719
Các khoản trích trước khác	1.455.792.164	1.834.653.888
	<b>4.052.539.204</b>	<b>4.356.215.044</b>

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	15.786.869.355	15.406.513.458
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	102.297.776	35.015.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	168.706.830
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	272.245.745	311.000.301
Cổ tức phải trả	23.026.990.100	985.785.100
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	763.983.681	763.983.681
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.041.273.811	2.973.183.344
	<b>45.153.660.468</b>	<b>20.644.188.608</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2021</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	<b>Chênh lệch tỷ giá</b> chưa thực hiện VND	<b>30/6/2021</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	293.656.328.905	1.349.352.301.783	(1.178.630.408.052)	1.091.074.517	465.469.297.153
Vay dài hạn đến hạn trả	48.590.487.632	6.824.932.644	(28.831.719.963)	(46.316.793)	26.537.383.520
	<b>342.246.816.537</b>	<b>1.356.177.234.427</b>	<b>(1.207.462.128.015)</b>	<b>1.044.757.724</b>	<b>492.006.680.673</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2021</b> VND	<b>1/1/2021</b> VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30% – 1,40%	235.124.511.105	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% – 1,50%	47.293.657.008	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (ii)	VND	8,57%	1.677.684.573	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,45%	76.052.030.362	18.590.292.990
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,00%	22.329.564.407	23.574.258.147
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	1,50%	56.078.137.769	73.124.475.103
Vay ngân hàng 7 (ii)	USD	1,49% – 1,53%	26.664.711.929	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			<b>465.469.297.153</b>	<b>293.656.328.905</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	340.804.613.356	364.142.798.567
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(26.537.383.520)	(48.590.487.632)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	314.267.229.836	315.552.310.935





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	8.613.766.611	11.633.967.686
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	227.467.739	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,4%	2025	112.944.654.202	125.493.891.442
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.890.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	2.312.000.000	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	210.816.724.804	213.565.457.843
				<hr/>	<hr/>
				340.804.613.356	364.142.798.567
				<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	72.523.791.358	70.187.103.088
Trích lập trong kỳ	3.063.076.395	9.459.359.816
Tăng khác	206.719.141	215.821.774
Giảm khác	(50.000.000)	-
Sử dụng trong kỳ	(5.377.621.982)	(6.850.513.575)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	70.365.964.912	73.011.771.103

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	225.000.000.000	-	113.283.038.700	116.974.532.760	26.202.843.172	481.460.414.632
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	27.619.234.587	877.633.266	28.496.867.853
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức	-	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	225.000.000.000	-	131.581.249.354	60.586.196.877	27.080.476.438	444.247.922.669
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	225.000.000.000	-	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	41.122.834.344	6.144.651.774	47.267.486.118
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.382.269.226	(9.382.269.226)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(33.750.000.000)	(80.210.000)	(33.830.210.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	1.176.340.000	-	(1.176.340.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.942.221.767)	(120.854.628)	(3.063.076.395)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	225.000.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	87.575.301.400	33.648.846.719	488.364.006.699



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>30/6/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.500.000	225.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>30/6/2021 và 1/1/2021</b>		
	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	<b>22.500.000</b>	<b>225.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**29. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	24.363.110.568	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	93.406.221.820	93.210.006.385
Sau năm năm	133.370.702.102	128.208.179.536
	251.140.034.490	244.541.490.852

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	363.010	8.275.218.275	255.149	5.870.047.243
EUR	221	5.918.823	221	6.180.872
		8.281.137.098		5.876.228.115

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	94.160.000.000	51.100.000.000

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.452.510.844	774.902.529
Cổ tức được chia	168.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.593.344.201	12.422.935.222
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.585.004	38.445.685
	11.219.440.049	13.428.283.436

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.588.108.270	12.520.812.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.986.454.975	6.015.274.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	977.103.222	950.285.727
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	756.599.892
	11.551.666.467	20.242.973.347

**34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.468.290.846	2.208.674.861
Chi phí vật liệu, bao bì	346.285.379	252.659.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.667.862	403.939.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.008.664.271	26.741.148.495
Chi phí khác	5.203.820.901	5.394.853.347
	45.515.729.259	35.001.275.299



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	30.679.833.019	28.884.849.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	5.686.845.040	5.134.441.287
Thuế, phí và lệ phí	2.709.395.939	1.643.462.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.254.792.629	6.016.316.583
Dự phòng phải thu khó đòi	764.003.735	(7.500.000)
Chi phí khác	12.615.446.708	13.427.640.024
	<b>58.710.317.070</b>	<b>55.099.210.076</b>

**36. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	317.272.728	712.272.727
Các khoản thu nhập khác	698.754.765	1.360.451.041
	<b>1.016.027.493</b>	<b>2.072.723.768</b>

**37. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	54.016.262	26.256.561
Các khoản chi phí khác	757.575.344	815.495.036
	<b>811.591.606</b>	<b>841.751.597</b>

1126  
 NG  
 NIỆM  
 PN  
 LIỆM

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	731.658.254.695	737.376.769.400
Chi phí nhân viên	515.308.829.021	476.027.660.128
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.228.731.731	75.643.278.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	243.993.417.574	245.008.650.364

**39. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	4.087.042.356	3.227.055.049

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.354.528.474	31.723.922.902
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	5.135.452.847	3.172.392.290
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	70.855.188	163.240.605
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	286.194.083	401.728.705
Chi phí không được khấu trừ thuế	122.976.945	114.133.136
Thu nhập không bị tính thuế	(16.800.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	-	(117.349.000)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	967.631.395	20.808.175
Lỗi tính thuế được sử dụng	(685.082.202)	(508.698.862)
Ưu đãi thuế tại công ty con	(1.693.881.744)	-
Biến động khác	(100.304.156)	-
	4.087.042.356	3.227.055.049





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	41.122.834.344	27.619.234.587
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	41.122.834.344	27.619.234.587
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.828	1.228

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.131.480.455	4.561.086.182
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.740.257.306	11.688.283.114
Chi phí lãi vay	1.801.607.235	3.142.315.292
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	583.243.696	574.220.195
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.201.702.425	27.817.121.123
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	465.756.938	62.852.680
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.301.173.308	33.774.065.985
Cổ tức công bố	1.285.600.000	1.607.000.000
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	492.718.317	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.532.520.305	8.746.220.102
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	232.383.836	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	156.124.545	120.043.636
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.173.480.408
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	2.173.480.408
<b>Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	-	1.128.870.888
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	783.834.551	-
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	5.806.868.313	5.083.956.062

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	261.494.526	258.429.808
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	1.336.054.261	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.666	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.666	66.666.666
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	66.666.666	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	166.666.665	170.000.000
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	133.333.333	166.666.666

## 42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, và thông tin cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đặng Thị Oanh Nữ**  
*Chuyên viên*

Người duyệt:



**Nguyễn Thị Tường Long**  
*Kế toán trưởng*




**Nguyễn Văn Hải**  
*Tổng Giám đốc*

